

Án số: 07/2018/HSST
Ngày 01/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Đức Thành.

Ông Trần Công Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/02/2018, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn H (tức T). Sinh năm: 1988. *Có mặt*
HKTT, chỗ ở: thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.
Văn hóa: 8/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do
Họ tên bố: Đỗ Văn P. Đã chết
Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ. Sinh năm: 1956. Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Gia đình có 5 anh chị em, Bị cáo là con thứ năm.
Vợ: Nguyễn Thị H (Đã ly hôn)
Con: Chưa có.
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: Ngày 30/10/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 01 năm tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật. Ra trại ngày 09/12/2012.
Ngày 08/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.
Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H theo Quyết định thi hành án phạt tù số 90/2017/QĐ-CA, ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

2. Tạ Hữu B. Sinh năm: 1990. *Có mặt*
Tên gọi khác: Không.
HKTT, chỗ ở: thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Văn hóa: 5/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do
Họ tên bố: Tạ Hữu M. Sinh năm 1952. Nghề nghiệp: Làm ruộng
Họ tên mẹ: Nguyễn Thị V. Sinh năm: 1952. Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Gia đình có 09 anh em, Bị cáo là con thứ bảy.
Vợ: Lê Thị P, sinh năm 1995. (Đã ly hôn)
Con: có 01 con sinh năm 2012.

Tiền sự: Không.

Tiền án: ngày 11/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 15/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện G, TP Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 22 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày/02/2014, ra trại ngày 03/01/2016.

Nhân thân: ngày 14/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Văn G xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang bị tạm tại trại tạm giam Công an tỉnh H theo Quyết định tạm giam số 34/2017/HSST – QĐTG ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

3. Đỗ Xuân H1. Sinh năm: 1998. *Có mặt*

Tên gọi khác: Không.

HKTT, chỗ ở: thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Văn hóa: 6/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Họ tên bố: Đỗ Xuân T. Sinh năm 1957. Nghề nghiệp: Làm ruộng

Họ tên mẹ: Hoàng Thị T. Sinh năm: 1958. Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình có 05 anh em, Bị cáo là con thứ năm.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2017. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y.

** Bị hại: Điều vắng mặt*

- ông Đặng Văn N, Sinh năm: 1967

- chị Quách Thị H, Sinh năm: 1980

Trú tại: thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- ông Hà Văn T, Sinh năm: 1957

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- bà Nguyễn Thị V Sinh năm: 1952. *Có mặt*

- ông Đỗ Xuân T, Sinh năm 1954. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/7/2017, Đỗ Văn H sinh năm 1988 ở thôn T, xã A, huyện K và Tạ Hữu B sinh năm 1990 ở thôn T, xã P, huyện Y điều khiển xe mô tô

nhãn hiệu Honda Dream không đeo biển số đi từ thôn T, xã P theo đường gom của quốc lộ 5B mới theo chiều Hải Phòng đi Hà Nội thì H rủ B trộm cắp lưới B40 để bán, B đồng ý. B điều khiển xe đi trên đường thì H quan sát thấy ruộng trồng cây ăn quả ở cánh đồng Xứ Đồng Đường T thôn Đ, xã H, huyện Y của gia đình anh Hà Văn T sinh năm 1975 ở thôn Đ, xã H, huyện Y có hàng rào lưới B40 thì H bảo B dừng xe để H xuống để cắt lưới, sau khi dừng xe cho H xuống xe thì B tiếp tục điều khiển xe đi lên khu vực huyện V. H đi xuống khu vực ruộng nhà anh T dùng kim bấm mang theo từ trước để cắt lưới B40. Khoảng 30 phút sau, khi H đang cắt lưới B40 thì B quay lại, H đi lên và bảo B xuống tiếp tục cắt lưới. B cầm kim xuống cắt được khoảng 4 đến 5 mắt thì B đi lên đưa kim lại cho H. H đi xuống cuộn khoảng 40m lưới B40 lại, khi đang cuộn được khoảng 15m thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ và đã báo Công an xã H đến lập biên bản vụ việc thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô Dream màu nâu không đeo biển số, số máy HA08E1493169, số khung RLHHA00802AY193095; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 kim bấm cầm tay; 01 thanh kim loại màu trắng hình lục giác bề cong hình chữ L một chiều dài 13cm một chiều dài 5cm được mài dẹt; 01 thanh kim loại màu đen hình lục giác bề cong hình chữ L một chiều dài 10cm một chiều dài 4cm được mài dẹt. Cùng ngày, Công an xã Hoàn L đã bàn giao hồ sơ, vật chứng và người bị bắt cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ để giải quyết theo thẩm quyền. Tạ Hữu B đã bỏ chạy thoát.

Quá trình điều tra còn xác định H còn thực hiện một số vụ trộm khác:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 19/5/2017, Đỗ Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream không đeo biển số chở Đỗ Xuân H1 sinh năm 1998 từ thôn T, xã P đi đến đường làng thôn C, xã H, huyện Y, phát hiện nhà ông Đặng Văn N sinh năm 1967 cửa công mở tại khu vực sân có để chiếc xe ba bánh tự chế, H rủ H1 trộm cắp chiếc xe ba bánh này. H bảo H1 đi vào trong sân lấy xe còn H ở ngoài cánh giới. H1 đi vào sân nhà ông N đẩy chiếc xe ba bánh lùi ra cổng thì H bảo H1 đi xe mô tô, còn H dùng chìa khóa có sẵn ở ổ khóa nổ máy xe ba bánh rồi điều khiển xe đi về theo đường cũ. Khi đi đến khu vực cây xăng ngã tư thôn T, xã P thì H bảo H1 cứ đi xe mô tô của H về khi nào bán được xe thì H gọi. Sau đó H điều khiển xe ba bánh đi về để ở nhà H ở thôn T, xã A, huyện K. Đến khoảng 03 giờ ngày 20/5/2017, Tạ Hữu B được Hà Ngọc S sinh năm 1997 ở thôn Đ, xã H, huyện Y chở đến nhà H chơi còn S thì đi về. Tại nhà H đã nói cho B biết việc H và H1 vừa trộm cắp được chiếc xe ba bánh tự chế. B hỏi mua chiếc xe ba bánh này và trả giá 4.000.000đồng, H đồng ý. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, H điện thoại cho H1 thông báo là đã bán được chiếc xe ba bánh cho B với giá là 4.000.000đồng và bảo H1 mang xe mô tô xuống trả H. Khi H1 điều khiển xe mô tô đến trả thì H đưa cho H1 1.500.000đồng là tiền bán xe ba bánh trộm cắp. Đối với Tạ Hữu B sau khi mua được xe ba bánh của H về sử dụng một thời gian sau đó bán lại cho một người không rõ tên tuổi được 4.500.000đồng. Các bị cáo đều đã ăn tiêu hết số tiền trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 09/7/2017, Đỗ Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream không rõ biển số một mình đi từ nhà mang thêm kim bấm cầm tay, mục đích trộm cắp lưới B40 để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến khu vực cánh đồng L, thôn Đ, xã H, huyện Y, H quan sát thấy tại khu vực ruộng trồng cây ăn

quả của gia đình chị Quách Thị H sinh năm 1980 ở thôn C, xã H, huyện Y có hàng rào lưới B40, H đã xuống cắt được 18m lưới B40, rồi cuộn lại mang về nhà cất giấu sau đó bán cho một người mua sắt vụn không rõ tên tuổi, địa chỉ được 360.000đồng. Số tiền này, H đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 25/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ đã trưng cầu định giá tài sản do H, H1, B trộm cắp. Ngày 25/8/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận 01 chiếc xe ba bánh tự chế phần đầu xe là đầu xe mô tô, động cơ của xe là động cơ xe mô tô, kích thước thùng xe là 1,2m x 1m x 0,6m, sơn màu xanh giá trị tài sản là: 8.000.000đồng. Ngày 08/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận 40m hàng rào lưới B40 bằng kim loại, chiều cao 1,5m, loại lưới có mắt 6m một chiều, không có khung sắt, đã cũ, trị giá là 1.312.000đồng, 18m hàng rào lưới B40 bằng kim loại, chiều cao 1,5m, loại lưới có mắt 6m một chiều, không có khung sắt, đã cũ, trị giá là 590.400đồng. Tổng giá trị tài sản 1.902.400đồng.

Quá trình điều tra H còn khai, ngày 12/7/2017, trong khi bị quần chúng nhân dân phát hiện và bắt giữ thì H có bị một số người đánh bị thương làm gãy một chiếc răng, tuy nhiên do thương tích không lớn nên H từ chối trưng cầu giám định về thương tích và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với 40m lưới B40 của gia đình anh Hà Văn T đã nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với 18m lưới B40 của gia đình chị Quách Thị H, chị H yêu cầu phải bồi thường cho gia đình chị số tiền là 590.400đồng.

Đối với chiếc xe ba bánh, quá trình điều tra không thu giữ được, do vậy đình bị cáo B và H1 đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông N số tiền 8.000.000đồng. Ông Ng đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc xe mô tô Dream không đeo biển số, số máy HA08E1493169, số khung RLHHA00802AY193095, H khai mượn của người tên C ở thị trấn C, huyện K. Tuy nhiên, quá trình xác minh, tra cứu nguồn gốc không xác định được chủ sở hữu và không xác minh được người tên C theo như lời khai của H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 kim bấm cầm tay; 01 thanh kim loại màu trắng hình lục giác bề cong hình chữ L một chiều dài 13cm một chiều dài 5cm được mài dẹt; 01 thanh kim loại màu đen hình lục giác bề cong hình chữ L một chiều dài 10cm một chiều dài 4cm được mài dẹt thu giữ của H là sử dụng vào việc phạm tội.

Quá trình điều tra xác định Đỗ Văn H, còn thực hiện hành vi phạm tội khác tại địa bàn huyện V nên ngày 13/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ đã bàn giao Đỗ Văn H cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Đỗ Văn H, Đỗ Xuân H1 và Tạ Hữu B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 05/QĐ-VKS-HS ngày 16/01/2018 của Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ đã truy tố bị cáo H (tức T) và bị cáo H1 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Truy tố bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1

Điều 138 và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo cũng như quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án; Giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn H (tức T) và Đỗ Xuân H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, Tuyên bố bị cáo Tạ Hữu B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo H (tức T) 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 47/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện V – tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 69 Luật thi hành án hình sự xử phạt bị cáo H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã P giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo B từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo B từ 09 đến 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 48a/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện V – tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường cho người bị hại chị Quách Thị H số tiền 590.400đồng; Truy thu của bị cáo Tạ Hữu B số tiền 500.000đồng và của bị cáo H số tiền 4.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu cho bán đấu giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; Tịch thu cho tiêu hủy 01 kim bấm cầm tay, 02 thanh kim loại.

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều có ý kiến đề nghị tiếp tục xét xử vụ án, bị cáo H (tức T) và bị cáo B đều xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H1 xin được cải tạo tại địa phương. Về phần trách nhiệm dân sự bị cáo H nhất trí với quan điểm truy thu số tiền 4.000.000đồng và bị cáo B nhất trí với quan điểm truy thu số tiền 500.000đồng của đại diện viện kiểm sát.

- Đại diện gia đình bị cáo B là bà Nguyễn Thị V (mẹ bị cáo) và đại diện gia đình bị cáo H1 là bà Hoàng Thị T (mẹ bị cáo) có mặt tại phiên tòa đều có quan điểm xác định các bị cáo B và H1 có tác động gia đình bồi thường cho ông Đặng Văn N và nay các gia đình đều không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn lại số tiền đã bồi thường thay cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Các bị cáo và đại diện VKSND huyện Yên Mỹ đều có đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T và người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm của mình và việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo cũng như đối với quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 19/5/2017 tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Đỗ Văn H (T) và Đỗ Xuân H1 đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe ba bánh tự chế của gia đình ông Đặng Văn N trị giá 8.000.000đồng rồi bán cho Tạ Hữu B. B biết là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 4.000.000 đồng.

Khoảng 21 giờ ngày 09/7/2017, tại cánh đồng L, thôn Đ, xã H, huyện Y, Đỗ Văn H đã có hành vi trộm cắp 18m lưới B40 của gia đình chị Quách Thị H trị giá 590.400đồng.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/7/2017, tại cánh đồng Xứ Đồng T thôn Đại H, xã H, huyện Y, Đỗ Văn H (T) và Tạ Hữu B đã có hành vi trộm cắp 40m lưới B40 của gia đình anh Hà Văn T trị giá 1.312.000đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Mặc dù hành vi trộm cắp tài sản ngày 12/7/2017 của Tạ Hữu B có giá trị dưới 2.000.000đồng là mức khởi điểm để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, trước đó bị cáo B đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Do vậy, Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ truy tố các bị cáo Đỗ Văn H (tức T), Tạ Hữu B, Đỗ Xuân H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 và truy tố thêm bị cáo B về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án về tội Trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định trong các lần trộm cắp tài sản cùng H1 và B, bị cáo H (tức T) đều là người khởi xướng việc trộm cắp. Do đó, bị cáo H giữ vai trò cao hơn các bị cáo B và H1.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo B biết là tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Bản thân bị cáo H và B đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học, chỉ vì mục đích tư lợi muốn có tiền để tiêu sài cá nhân, các bị cáo không chịu lao động chân chính mà bất chấp lao vào con đường phạm tội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, cụ thể như sau: Tại quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo B và H1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 vì đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, các bị cáo đều được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H và H1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Đối với bị cáo B đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/01/2016. Ngày 20/5/2017 bị cáo tiếp tục phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và ngày 12/7/2017 bị cáo tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản. Như vậy, bị cáo B đã phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Riêng tội Trộm cắp tài sản bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” vì việc bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích đã được dùng làm yếu tố định tội đối với bị cáo.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo Đỗ Văn H và Tạ Hữu B có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo;

Đối với bị cáo Đỗ Xuân H1 có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục một thời gian cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo H đang chấp hành hình phạt theo bản án số 47/2017/HSST ngày 08/11/2017 và bị cáo B đang chấp hành hình phạt theo bản án số 48a/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện V – tỉnh Hưng Yên nên sẽ tổng hợp hình phạt khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 55 và 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 8.000.000đồng gia đình các bị cáo H1 và B đã bồi thường cho bị hại ông Đặng Văn N, nay ông N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với ông N. Tuy nhiên, cần thiết phải truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000đồng bị cáo H có được do bán tài sản trộm cắp mà có, bị cáo đã ăn tiêu hết và số tiền 500.000đồng bị cáo B được hưởng chênh lệch từ việc mua bán tài sản trộm cắp.

- Đối với tài sản các bị cáo B và H trộm cắp của anh Hà Văn T, nay anh T không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với tài sản bị cáo H trộm cắp của bị hại chị Quách Thị H, nay chị H có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 590.400đồng. Xét thấy, đây là yêu cầu hợp pháp của chị H nên sẽ buộc bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, 01 kìm bấm cầm tay, 02 thanh kim loại thu giữ của bị cáo H. Xét thấy, có sử dụng vào mục đích phạm tội nên sẽ cho tịch thu bán đấu giá chiếc điện thoại, đối với chiếc kìm bấm và 02 thanh kim loại không còn giá trị sử dụng nên sẽ cho tịch thu tiêu hủy.

Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn H (tức T) và Đỗ Xuân H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, Tuyên bố bị cáo Tạ Hữu B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Đỗ Văn H (tức T) 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 47/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện V – tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đỗ Xuân H 1 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Tạ Hữu B 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Tạ Hữu B 11 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án số 48a/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện V – tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải bồi thường cho bị hại chị Quách Thị H số tiền 590.400đ (Năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm đồng).

Truy thu của bị cáo Đỗ Văn H số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và truy thu của bị cáo Tạ Hữu B số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu cho bán đấu giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 kim bấm cầm tay, 02 thanh kim loại.

(Tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Yên Mỹ và Chi cục thi hành án huyện Yên Mỹ ngày 30/01/2018).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thi hành án hoặc người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Đỗ Văn H không chịu thi hành khoản tiền bồi thường cho chị Quách Thị H và bị cáo Tạ Hữu B không chịu thi hành khoản tiền truy thu thì bị cáo H và B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H phải chịu thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Xuân T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi họ cư trú theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Yên Mỹ.
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mỹ.
- Công an huyện Yên Mỹ.
- Người TGTT.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên